Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
Date: 2025.08.14 14:56:
QUY NHON PORT 55+07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1414/QNP-TCKT	*Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

- Mã chứng khoán: **QNP**
- Địa chỉ/Address: 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại liên hệ: (0256) 3892363 Fax: (0256) 3891783
- E-mail: info@quynhonport.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công bố Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 bao gồm:

+ Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét;

+ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét.

- Công bố công văn số 1413 /QNP-TCKT ngày 14/08/2025 về việc giải trình biến động kết quả kinh doanh lũy kế 06 tháng năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn https://www.quynhonport.vn/quan-he-co-dong.html.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website Cty;
- Ban TGĐ (để b/c);
- Lưu VT, TCKT, NPTQTCT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4100258... CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN T.P QUY NHƠN-T.BÌNH ĐỊNH

Lê Hồng Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN Số: 1413/QNP-TCKT "V/v giải trình biến động kết quả kinh doanh 06 tháng năm 2025"	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc *Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2025*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn gửi đến Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn xin giải trình về biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét 06 tháng năm 2025 so với 06 tháng năm 2024 như sau:

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng đã được soát xét	61.533	76.809	-15.276	-19,9%
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất đã được soát xét	65.271	75.380	-10.109	-13,4%

1. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét 06 tháng năm 2025:

Lợi nhuận sau thuế lũy kế 06 tháng năm 2025 trên Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét giảm hơn 15 tỷ đồng, tương ứng giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2024.

Nguyên nhân:

- Doanh thu thuần bán hàng cung cấp dịch vụ giảm hơn 17,6 tỷ đồng, tương đương giảm 24,3% so cùng kỳ năm 2024.

2. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét 06 tháng năm 2025:

Lợi nhuận sau thuế lũy kế 06 tháng đầu năm 2025 trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét giảm hơn 10 tỷ đồng, tương ứng giảm 13,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Nguyên nhân chính của việc giảm lợi nhuận sau thuế lũy kế 06 tháng năm 2025 đã được giải trình ở mục 1 của văn bản này.

Trên đây là giải trình các nguyên nhân giảm lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét 06 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trân trọng kính báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website công ty;
- HĐQT,BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4100258793-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN * T.P QUY NHƠN-T.BÌNH ĐỊNH

Lê Hồng Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo riêng giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch	
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông Nguyễn Ngọc Tới	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông Nguyễn Quang Vĩnh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông Đặng Huy Cường	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025
Ông Đỗ Tuấn Nam	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2025
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	
Bà Đoàn Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hồng Quân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N:4100258793-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
T.P QUY NHƠN-T.BÌNH ĐỊNH

Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc
Gia Lai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đ. Tố Hữu,
P. Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
T: +84 24 5678 3999
E: uhy-info@uhy.vn
uhy.vn

Số: 876/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/8/2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hải
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 1395-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**527.148.796.943**	**502.574.218.886**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**195.847.579.992**	**44.089.289.301**
Tiền	111		40.447.579.992	20.389.289.301
Các khoản tương đương tiền	112		155.400.000.000	23.700.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**127.800.000.000**	**261.300.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	127.800.000.000	261.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**173.240.018.913**	**158.415.398.986**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	88.325.905.266	75.550.072.704
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	85.374.710.461	79.516.894.396
Các khoản phải thu khác	136	10	4.393.576.725	7.451.203.372
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.854.173.539)	(4.102.771.486)
Hàng tồn kho	**140**	**11**	**23.331.543.703**	**21.858.351.900**
Hàng tồn kho	141		23.331.543.703	21.858.351.900
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.929.654.335**	**16.911.178.699**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	6.404.267.723	11.953.336.645
Thuế GTGT được khấu trừ	152		525.386.612	4.957.842.054
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**768.233.517.686**	**728.115.146.849**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**376.000.000**	**7.348.273.000**
Phải thu dài hạn khác	216	10	376.000.000	7.348.273.000
Tài sản cố định	**220**		**593.860.325.551**	**602.802.626.226**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	592.900.825.900	602.093.154.901
- Nguyên giá	*222*		*1.628.798.734.799*	*1.613.385.460.826*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.035.897.908.899)*	*(1.011.292.305.925)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	959.499.651	709.471.325
- Nguyên giá	*228*		*9.478.582.711*	*9.098.287.711*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(8.519.083.060)*	*(8.388.816.386)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**99.061.308.381**	**40.222.228.363**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	99.061.308.381	40.222.228.363
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**15**	**68.000.000.000**	**68.000.000.000**
Đầu tư vào công ty con	251		50.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.000.000.000	18.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.935.883.754**	**9.742.019.260**
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6.935.883.754	9.742.019.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.295.382.314.629**	**1.230.689.365.735**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**461.686.971.251**	**371.180.562.199**
Nợ ngắn hạn	**310**		**226.395.272.917**	**136.559.165.087**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	33.927.674.821	30.147.373.527
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	4.411.896.455	6.846.254.278
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	29.596.693.577	12.942.401.825
Phải trả người lao động	314		34.609.160.558	53.020.793.713
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	8.302.353.061	496.732.684
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	56.939.798.386	233.339.964
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.607.696.059	2.872.269.096
Nợ dài hạn	**330**		**235.291.698.334**	**234.621.397.112**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	235.291.698.334	234.621.397.112
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	22	**833.695.343.378**	**859.508.803.536**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**833.695.343.378**	**859.508.803.536**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*404.099.500.000*	*404.099.500.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418		368.062.273.573	330.627.832.160
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.533.569.805	124.781.471.376
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*61.533.569.805*	*124.781.471.376*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.295.382.314.629**	**1.230.689.365.735**

Gia Lai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thị Phượng Linh	Nguyễn Kim Toàn	Lê Hồng Quân
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**24**	**338.612.479.912**	**355.788.399.606**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.298.547.784	2.840.694.053
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**335.313.932.128**	**352.947.705.553**
Giá vốn hàng bán	11	26	221.540.565.555	222.812.515.542
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**113.773.366.573**	**130.135.190.011**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.938.697.433	18.838.706.505
Chi phí tài chính	22	28	8.777.537.180	9.216.421.037
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*8.731.460.028*	*8.915.696.660*
Chi phí bán hàng	25	29	5.058.218.569	8.023.633.902
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	33.188.924.445	36.293.250.597
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**76.687.383.812**	**95.440.590.980**
Thu nhập khác	31	31	50.540.696	198.068.375
Chi phí khác	32	32	219.687.475	167.219.560
Lợi nhuận khác	**40**		**(169.146.779)**	**30.848.815**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**76.518.237.033**	**95.471.439.795**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	14.984.667.228	18.662.258.325
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**61.533.569.805**	**76.809.181.470**

Gia Lai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thị Phượng Linh	Nguyễn Kim Toàn	Lê Hồng Quân
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	***01***		***76.518.237.033***	***95.471.439.795***
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		26.705.283.056	23.859.960.929
Các khoản dự phòng	03		751.402.053	(31.192.013)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(247.931.233)	(120.043.917)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(9.310.943.094)	(17.302.812.942)
Chi phí lãi vay	06		8.731.460.028	8.915.696.660
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***103.147.507.843***	***110.793.048.512***
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(6.930.189.508)	(4.936.680.821)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(1.473.191.803)	(1.282.897.702)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.663.842.227	10.643.486.772
Tăng giảm chi phí trả trước	12		8.355.204.428	11.237.176.435
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.798.438.474)	(8.980.223.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.749.157.990)	(16.756.837.809)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.037.673.000)	(5.646.754.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***82.177.903.723***	***95.070.317.013***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(76.610.955.425)	(34.744.608.710)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.000.000.000)	(298.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		204.500.000.000	95.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	7.608.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.757.652.340	9.257.243.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***68.646.696.915***	***(220.879.365.113)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		15.670.301.222	25.010.443.437
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.000.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.412.500)	(8.408.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***666.888.722***	***25.002.035.437***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**151.491.489.360**	**(100.807.012.663)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**44.089.289.301**	**215.667.048.302**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		266.801.331	34.758.602
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5**	**195.847.579.992**	**114.894.794.241**

Gia Lai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thị Phượng Linh	Nguyễn Kim Toàn	Lê Hồng Quân
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn có 100% vốn Nhà nước cấp, theo Quyết định số 804/QĐ-HĐQT ngày 31/10/2009 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam; Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 25/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28/07/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 404.099.500.000 VND.

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 717 người (tại 01/01/2025 là 728 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, Đại lý vận tải hàng hóa; Đại lý tàu biển; Đại lý vận tải thủy bộ; Vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dựng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

Các đơn vị thành viên trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.	Số 02 đường Phan Chu Trinh, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
2	Xí nghiệp sửa chữa Cơ Khí - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 đường Phan Chu Trinh, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Công ty có một công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 là:

Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỉ lệ sở hữu tại 30/06/2024 (%)	Trụ sở
Công ty TNHH MTV Logistics Cảng Quy Nhơn	50.000	100%	Số 05 đường Nguyễn Dữ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025.

3.3 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty là Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và số liệu của các chi nhánh trực thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	**Số năm khấu hao**
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải	04 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Phần mềm quản lý	03 - 08

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Công ty sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính heo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.
Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một các chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;*
- *Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;*
- *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.11 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế của kỳ hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của kỳ hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho kỳ hiện tại là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Trong việc xem xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Toàn bộ các giao dịch và số dư với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt	472.433.518	480.275.589
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.975.146.474	19.909.013.712
- Các khoản tương đương tiền	155.400.000.000	23.700.000.000
	195.847.579.992	**44.089.289.301**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**127.800.000.000**	-	**261.300.000.000**	-
Ngắn hạn	***127.800.000.000***	-	***261.300.000.000***	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	127.800.000.000	-	261.300.000.000	-

(*) Tại ngày 30/06/2025: đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có tổng giá trị 127.800.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,7%/năm đến 5%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**88.325.905.266**	**75.550.072.704**
- Công ty TNHH Maersk Việt Nam	9.519.094.106	10.561.674.714
- Công ty TNHH MSC Việt Nam	7.879.146.455	5.511.398.644
- Công ty Cổ phần Năng lượng sinh học Phú Tài	3.827.828.564	376.316.064
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	1.666.748.538	1.247.995.458
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Phân bón Minh Tân	5.501.392.289	1.944.223.100
- Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P Việt Nam - Nhà máy thức ăn gia súc Bình Định	4.818.198.924	-
- Các khách hàng khác	55.113.496.390	55.908.464.724
Dài hạn	-	-
	88.325.905.266	**75.550.072.704**
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	***3.905.804.719***	***2.118.721.884***
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	140.287.983	140.287.983
- Công ty Vận tải Container VIMC	1.988.948.621	1.978.433.901
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa Quy Nhơn)	1.776.568.115	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**85.374.710.461**	**79.516.894.396**
- Công ty Cổ phần Unico Vina	50.940.000.000	50.940.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Donarco	1.800.105.000	5.346.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Á Châu	10.226.330.500	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Doanh Phát	5.881.139.252	-
- Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nhật Minh	3.075.000.000	-
- Các khách hàng khác	13.452.135.709	23.230.894.396
Dài hạn	-	-
	85.374.710.461	**79.516.894.396**
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	**660.027.749**	**333.184.500**
- Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	153.000.000	153.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Công Trình Hàng hải	507.027.749	180.184.500

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	**6.404.267.723**	**11.953.336.645**
- Các loại bảo hiểm máy móc, xe cộ	407.237.928	198.386.284
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	456.695.354	1.121.742.786
- Các khoản khác	5.540.334.441	10.633.207.575
Chi phí trả trước dài hạn	**6.935.883.754**	**9.742.019.260**
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.931.129	45.109.627
- Chi phí thực hiện di dời giải phóng mặt bằng (*)	2.391.397.841	3.991.397.843
- Các khoản khác	4.529.554.784	5.705.511.790
	13.340.151.477	**21.695.355.905**

(*) Khoản hỗ trợ kinh phí cho Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghiệp hàng hải đối với các tài sản trên đất không di dời được (khu đất 3.8ha) theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 18/01/2023 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (*Chi tiết tại thuyết minh số 14*).

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**4.393.576.725**	**-**	**7.451.203.372**	**-**
- Tạm ứng	153.737.000	-	195.276.000	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.239.839.725	-	7.255.927.372	-
+ Phải thu về tiền BHXH	-	-	*534.085.552*	-
+ Phải thu về tiền BHYT	-	-	*100.141.041*	-
+ Phải thu về tiền BHTN	-	-	*66.760.694*	-
+ Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	*1.361.000.000*	-	*1.336.000.000*	-
+ Lãi tiền gửi dự thu	*2.878.839.725*	-	*5.195.222.662*	-
+ Phải thu khác	-	-	*23.717.423*	-
Dài hạn	**376.000.000**	**-**	**7.348.273.000**	**-**
- Ký cược, ký quỹ	376.000.000	-	7.348.273.000	-
	4.769.576.725	**-**	**14.799.476.372**	**-**

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	20.405.347.016	-	20.195.304.407	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.926.196.687	-	1.663.047.493	-
	23.331.543.703	**-**	**21.858.351.900**	**-**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	**1.032.670.964.526**	**200.119.474.912**	**366.945.239.486**	**13.649.781.902**	**-**	**1.613.385.460.826**
- Mua trong kỳ	-	349.994.868	16.385.539.155	387.691.944	168.499.440	17.291.725.407
- Thanh lý, nhượng bán	(274.963.636)	(1.526.567.798)	(76.920.000)	-	-	(1.878.451.434)
30/06/2025	**1.032.396.000.890**	**198.942.901.982**	**383.253.858.641**	**14.037.473.846**	**168.499.440**	**1.628.798.734.799**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	**568.163.891.279**	**114.601.153.052**	**320.126.077.961**	**8.401.183.633**	**-**	**1.011.292.305.925**
- Khấu hao trong kỳ	11.305.532.642	8.227.727.834	5.791.059.807	1.150.841.099	8.893.026	26.484.054.408
- Thanh lý, nhượng bán	(274.963.636)	(1.526.567.798)	(76.920.000)	-	-	(1.878.451.434)
30/06/2025	**579.194.460.285**	**121.302.313.088**	**325.840.217.768**	**9.552.024.732**	**8.893.026**	**1.035.897.908.899**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	**464.507.073.247**	**85.518.321.860**	**46.819.161.525**	**5.248.598.269**	**-**	**602.093.154.901**
30/06/2025	**453.201.540.605**	**77.640.588.894**	**57.413.640.873**	**4.485.449.114**	**159.606.414**	**592.900.825.900**

Tại 30/06/2025:

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 824.521.207.809 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 820.613.624.219 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 415.819.332.055 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 423.198.353.527 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2025	**9.098.287.711**	**9.098.287.711**
- Mua trong kỳ	480.150.000	480.150.000
- Thanh lý, nhượng bán	(99.855.000)	(99.855.000)
30/06/2025	**9.478.582.711**	**9.478.582.711**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
01/01/2025	**8.388.816.386**	**8.388.816.386**
- Khấu hao trong kỳ	230.121.674	230.121.674
- Thanh lý, nhượng bán	(99.855.000)	(99.855.000)
30/06/2025	**8.519.083.060**	**8.519.083.060**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2025	**709.471.325**	**709.471.325**
30/06/2025	**959.499.651**	**959.499.651**

Tại 30/06/2025: Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 7.583.345.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 7.269.200.000 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng (1)	27.702.904.161	1.110.920.740
- Hỗ trợ di dời cho các hộ dân bị ảnh hưởng để thực hiện dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn (2)	14.138.671.088	-
- Dự án mua bán thiết bị khai thác Container (3)	34.051.794.937	36.774.263.422
- Công trình khác	23.167.938.195	2.337.044.201
	99.061.308.381	**40.222.228.363**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG (TIẾP)

(1) Dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn (*nay là phường Quy Nhơn*) (Giai đoạn 1) theo quyết định số 152/QĐ-HĐQT ngày 22/12/2023. Quy mô đầu tư thực hiện hỗ trợ tài sản không di dời được trên đất, tổ chức sản xuất kinh doanh đồng thời đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, thiết bị phục vụ nâng hạ, xếp dỡ, vận chuyển nội bộ trên khu đất diện tích khoảng 3,8ha với quy mô theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020, bao gồm các hạng mục như sau: Đường giao thông; Bãi chứa hàng; Kho chứa hàng rời; Hệ thống thoát nước mưa; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện, cây xanh, cảnh quan, mua sắm thiết bị.

- Địa điểm xây dựng: Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, Bình Định (nay là Phường Quy Nhơn tỉnh Gia Lai).
- Diện tích sử dụng đất: 38.277,3m2
- Thời hạn sử dụng công trình: 50 năm từ khi đưa vào sử dụng
- Tổng mức đầu tư: 67.735.958.000 đồng
- Tiến độ thực hiện: dự kiến 2 năm, chia làm 4 giai đoạn:
  + Đến hết quý 4/2023: Hoàn thành bước chuẩn bị dự án, triển khai thực hiện dự án
  + Quý 1/2024 – Quý 2/2024: đầu tư hạng mục bãi chứa hang
  + Quý 4/2024 – Quý 1/2025: Đầu tư mua sắm thiết bị xếp dỡ và hoàn thành các hạng mục còn lại đưa dự án đi vào hoạt động.
- Nguồn vốn đầu tư: 30% vốn tự có của chủ đầu tư và 70% vốn vay
- Phương án bồi thường hỗ trợ các tài sản không di dời được trên đất theo Văn bản số 2820/UBND ngày 24/05/2022 của UBND tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai), chi phí hỗ trợ tài sản không di dời được trên đất là 15.000.000.000 đồng (*Chi tiết tại Thuyết minh số 9 – Chi phí trả trước*).

(2) Phương án hỗ trợ di dời các hộ dân bị ảnh hưởng để thực hiện dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn theo Nghị quyết số 24/NO-HĐQT ngày 21/02/2025 của hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn phê duyệt phương án hỗ trợ cho 68 hộ gia đình là 15.340.464.000 đồng (trong đó, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc là 14.138.671.000 đồng) và Quyết định số 1014/QĐ-QNP ngày 18/06/2025 của Tổng giám đốc công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc chi tiền hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng để thực hiện dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn (Lần 1 – Nhà cửa, vật kiến trúc). Thời gian thực hiện năm 2024 - 2025. (*Chi tiết tại Thuyết minh số 20 – Chi phí phải trả*).

(3) Dự án mua bán thiết bị Container đã qua sử dụng theo Quyết định số 49/QĐ-HĐQT ngày 17/07/2024. Quy mô đầu tư: Mua sắm các thiết bị khai thác container đã qua sử dụng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA theo số lượng là 03 (ba) cẩu khung bánh lốp RTG và gói vật tư của cẩu; 10 (mười) xe đầu kéo, 10 rơ moóc và gói vật tư xe đầu kéo và rơ moóc.

- Tổng mức đầu tư là 58.623.353.576 đồng (trong đó, chi phí mua sắm thiết bị là 52.695.091.502 đồng).
- Nguồn đầu tư từ vốn tự có của Chủ đầu tư.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**68.000.000.000**	-	**68.000.000.000**	-
Đầu tư vào Công ty con	***50.000.000.000***	-	***50.000.000.000***	-
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	***18.000.000.000***	-	***18.000.000.000***	-
+ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Số 05 Nguyễn Dữ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	100%	100%	Vận tải, hỗ trợ dịch vụ vận tải; bốc xếp hàng hóa; sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	16,68%	16,68%	Kinh doanh xếp dỡ kho bãi, vận chuyển đường biển

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**33.927.674.821**	**33.927.674.821**	**30.147.373.527**	**30.147.373.527**
- Công ty TNHH FPT IS	5.500.500.000	5.500.500.000	-	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Minh Thảo	2.912.979.000	2.912.979.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Phúc Trường Linh	3.148.200.000	3.148.200.000	3.356.957.038	3.356.957.038
- Các đối tượng khác	22.365.995.821	22.365.995.821	26.790.416.489	26.790.416.489
Dài hạn	-	-	-	-
	33.927.674.821	**33.927.674.821**	**30.147.373.527**	**30.147.373.527**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	***6.558.176.460***	***6.558.176.460***	***6.658.883.613***	***6.658.883.613***
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	781.075.760	781.075.760	3.279.804.213	3.279.804.213
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	-	-	307.030.500	307.030.500
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	5.777.100.700	5.777.100.700	2.888.748.900	2.888.748.900
- Ban QLDA chuyên nghành Hàng hải VIMC - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	-	125.000.000	125.000.000
- Công ty CP Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	-	-	58.300.000	58.300.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	**12.942.401.825**	**42.777.349.316**	**26.123.057.564**	**29.596.693.577**
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	195.684.669	568.204.504	196.350.249	567.538.924
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.749.157.990	14.984.667.228	11.749.157.990	14.984.667.228
- Thuế thu nhập cá nhân	997.559.166	3.409.886.436	4.173.549.325	233.896.277
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	23.810.591.148	10.000.000.000	13.810.591.148
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty TNHH Đại lý vận tải Evergreen (Việt Nam)	700.773.447	1.259.353.287
- Công ty TNHH MSC Việt Nam	563.071.604	-
- Công ty Cổ phần Thảo Khang Logistics	412.521.670	442.473.296
- Đối tượng khác	2.735.529.734	5.144.427.695
	4.411.896.455	**6.846.254.278**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**56.939.798.386**	**233.339.964**
- Kinh phí công đoàn	270.720.788	134.779.866
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.669.077.598	98.560.098
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	*56.669.077.598*	*98.560.098*
	56.939.798.386	**233.339.964**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**8.302.353.061**	**496.732.684**
- Chi phí lãi vay	301.113.124	346.732.684
- Khu tập thể Năm Giang (*)	7.926.239.937	-
- Các khoản trích trước khác	75.000.000	150.000.000
Dài hạn	-	-
	8.302.353.061	**496.732.684**

(*) Là khoản chi tiền hỗ trợ 68 hộ dân tại tổ 55, khu vực 10, phường Hải Cảng bị ảnh hưởng để thực hiện dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn (lần 1 - Nhà cửa, vật kiến trúc) theo Quyết định số 1014/QĐ-QNP ngày 18/06/2025 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc chi tiền hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng để thực hiện dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn (Lần 1 - Nhà cửa, vật kiến trúc) *Chi tiết tại Thuyết minh số 14*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**30.000.000.000**	**30.000.000.000**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**30.000.000.000**	**30.000.000.000**
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*
Vay dài hạn	**235.291.698.334**	**235.291.698.334**	**15.670.301.222**	**15.000.000.000**	**234.621.397.112**	**234.621.397.112**
- Vay dài hạn	*235.291.698.334*	*235.291.698.334*	*15.670.301.222*	*15.000.000.000*	*234.621.397.112*	*234.621.397.112*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	*210.542.512.983*	*210.542.512.983*	-	15.000.000.000	*225.542.512.983*	*225.542.512.983*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (**)	24.749.185.351	24.749.185.351	15.670.301.222	-	9.078.884.129	9.078.884.129
Tổng cộng	**265.291.698.334**	**265.291.698.334**	**30.670.301.222**	**30.000.000.000**	**264.621.397.112**	**264.621.397.112**

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/2736121/HĐTD ký ngày 03/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ("Bên vay") và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ("Bên cho vay"), với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 327.828.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ (bao gồm cả lãi vay trong thời gian thi công) đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;
- Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Số tiền tổng nợ vay dài hạn phải trả cho dự án là: 210.542.512.983 đồng; nợ dài đến hạn trả là: 30.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo là tài sản cụ thể như sau:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn chủ sở hữu và vốn vay tại Dự án, bao gồm tài sản trên đất (công trình, nhà xưởng) hình thành trên khu đất và máy móc thiết bị (nếu có) được Bên vay thế chấp cho Bên cho vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản và/hoặc các Hợp đồng thế chấp khác phù hợp với hình thái hình thành của tài sản trong tương lai.

21. VAY DÀI HẠN (TIẾP)

- Các quyền tài sản, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm; quyền thụ hưởng bảo lãnh; quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này, các quyền và lợi ích khác, các khoản bồi hoàn... phát sinh từ Hợp đồng thuê đất, Hợp đồng xây dựng, Hợp đồng cung cấp dịch vụ, mua sắm máy móc thiết bị và các Hợp đồng khác có liên quan đến Dự án) được bên vay thế chấp cho bên cho vay theo Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản.
- Các tài khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các chấp thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả quyền theo các văn kiện dự án) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của bên vay thuộc Dự án theo Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản.

(**) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/2736121/HĐTD ký ngày 05/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ("Bên vay") và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ("Bên cho vay"), với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 47.415.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ (bao gồm cả lãi vay trong thời gian thi công) đầu tư thực hiện Dự án mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn - nay là phường Quy Nhơn (giai đoạn 1);
- Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Thời hạn ân hạn gốc với khoản vay tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá 60 tháng kể từ thời điểm phát sinh doanh thu từ Dự án.

Tài sản đảm bảo là tài sản cụ thể như sau:

- Khu đất có diện tích 38.277,3m2 tại phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 758593, số vào sổ cấp GCN CT17597 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) cấp ngày 29/6/2022 được giao cho Bên thế chấp để thực hiện Dự án: Mở rộng Cảng Quy Nhơn: hạng mục kho chứa hàng, bãi hàng, bãi container, khu hạn tầng kỹ thuật cảng, cây xanh.
- Các công trình hiện tại của Dự án được tọa lạc tại hoặc với khu đất và bất kỳ tòa nhà công trình xây dựng, công trình nâng cấp nào khác và các bất động sản nào khác được xây dựng, mua và/hoặc gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại hoặc khu đất và/hoặc trong phạm vi khu đất và/hoặc liên quan đến Dự án.
- Các giấy tờ về đất; toàn bộ máy móc thiết bị, nội thất, đồ đạc, phương tiện và các động sản khác liên quan đến Dự án phục vụ cho hoạt động của Dự án mà bên thế chấp hiện đang hoặc sẽ sở hữu…

Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2024/2736121/HĐBH ngày 5/12/2024; Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 02/2024/2736121/HĐBĐ ngày 5/12/2024 giữa BIDV Chi nhánh Bình Định và Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. CHI TIẾT GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
+ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	303.122.620.000	303.122.620.000
+ Các cổ đông khác	100.976.880.000	100.976.880.000
	404.099.500.000	**404.099.500.000**

22.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000
+ Vốn góp cuối kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000

22.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2025 CP	01/01/2025 CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.409.950	40.409.950
+ Cổ phiếu phổ thông	*40.409.950*	*40.409.950*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.409.950	40.409.950
+ Cổ phiếu phổ thông	*40.409.950*	*40.409.950*

22.4 CÁC QUỸ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	368.062.273.573	330.627.832.160

22.5. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	**404.099.500.000**	**287.285.693.176**	**119.756.078.984**	**811.141.272.160**
- Lãi trong năm	-	-	124.781.471.376	124.781.471.376
- Chia cổ tức	-	-	(48.491.940.000)	(48.491.940.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	43.342.138.984	(43.342.138.984)	-
- Trích lập các quỹ theo NQ của Đại hội đồng cổ đông	-	-	(27.922.000.000)	(27.922.000.000)
31/12/2024	**404.099.500.000**	**330.627.832.160**	**124.781.471.376**	**859.508.803.536**
01/01/2025	**404.099.500.000**	**330.627.832.160**	**124.781.471.376**	**859.508.803.536**
- Lãi trong kỳ	-	-	61.533.569.805	61.533.569.805
- Chia cổ tức (*)	-	-	(56.573.930.000)	(56.573.930.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	37.434.441.413	(37.434.441.413)	-
- Trích lập qũy khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(30.773.099.963)	(30.773.099.963)
30/06/2025	**404.099.500.000**	**368.062.273.573**	**61.533.569.805**	**833.695.343.378**

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 28/04/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CÁC KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty cho thuê kho bãi, văn phòng, cửa hàng xăng dầu, máy chủ, điện thoại theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Từ 1 năm trở xuống	885.158.569	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	2.226.475.706	5.271.083.984

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để thuê các lô đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn tỉnh Gia Lai) theo hình thức thuê đất trả tiền hàng, như sau:

Số hợp đồng	Diện tích	Thời hạn	Mục đích
HĐ số 54/HĐ-TĐBS ngày 10/04/2020	209.888,05 m^2	Từ 01/01/1996 đến 31/12/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng văn phòng làm việc và
HĐ số 293/HĐ-TĐBS ngày 28/11/2023	3843,3 m2	Từ 22/08/2002 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	35.937,3 m^2	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng, phát triển Cảng Quy
HĐ số 292/HĐ-TĐBS ngày 28/11/2023	36.500,4 m2	Từ 13/04/2006 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng, phát triển Cảng Quy
HĐ số 19/HĐTĐ ngày 24/01/2019	813,3 m^2	Từ 01/11/2013 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm cấp nước tàu biển
HĐ số 85/HĐTĐ ngày 20/05/2022	16.800 m2	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 159/HĐTĐ ngày 29/06/2022	38.277,3 m2	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	483.408,47	92.885,99
	483.408,47	**92.885,99**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	338.612.479.912	355.788.399.606
	338.612.479.912	**355.788.399.606**
Doanh thu với các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)*	**15.983.332.669**	**15.102.306.104**

25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	**3.298.547.784**	**2.840.694.053**
+ Chiết khấu thương mại	3.298.547.784	2.840.694.053

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	221.540.565.555	222.812.515.542
	221.540.565.555	**222.812.515.542**
Mua hàng từ các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)*	**32.814.652.869**	**38.512.697.173**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.841.269.403	5.681.944.401
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.600.000.000	5.098.004.673
- Lãi do thoái vốn	-	6.792.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	249.496.797	1.146.713.514
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	247.931.233	120.043.917
	9.938.697.433	**18.838.706.505**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	46.077.152	36.465.118
- Chi phí lãi vay	8.731.460.028	8.915.696.660
- Chi phí tài chính khác	-	264.259.259
	8.777.537.180	**9.216.421.037**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**33.188.924.445**	**36.293.250.597**
- Nhân viên quản lý	18.084.252.149	19.686.324.415
- Khấu hao tài sản cố định	878.536.986	418.266.736
- Thuế, phí lệ phí	5.035.715.002	5.377.730.243
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.568.564.351	8.551.243.411
- Trích lập, hoàn nhập dự phòng	751.402.053	(31.192.013)
- Chi phí bằng tiền khác	870.453.904	2.290.877.805
Các khoản chi phí bán hàng	**5.058.218.569**	**8.023.633.902**
- Nhân viên bán hàng	4.157.408.448	4.764.687.488
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.936.219	2.065.941.397
- Hoa hồng môi giới	527.873.902	1.193.005.017
	38.247.143.014	**44.316.884.499**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	22.934.569.268	22.155.290.413
- Chi phí nhân công	94.090.613.562	111.713.714.895
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng	4.235.596.387	3.085.002.377
- Khấu hao tài sản cố định	26.705.283.056	23.859.960.929
- Thuế, phí và lệ phí	23.814.591.148	24.156.606.390
- Trích lập, hoàn nhập dự phòng	751.402.053	(31.192.013)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.909.902.791	75.121.945.791
- Chi phí bằng tiền khác	3.608.899.498	6.629.797.825
	261.050.857.763	**266.691.126.607**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền bồi thường thu được	50.483.246	198.068.375
Các khoản khác	57.450	-
	50.540.696	**198.068.375**

32. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định, di dời hàng hóa	130.326.309	4.876.873
Các khoản chi phí khác	89.361.166	162.342.687
	219.687.475	**167.219.560**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	**76.518.237.033**	**95.471.439.795**
Các khoản điều chỉnh tăng	2.005.099.105	2.937.856.502
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*312.000.000*	*216.000.000*
- Khấu hao xe ô tô phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ	*3.743.646*	-
- Kinh phí hỗ trợ INSECO đối với tài sản trên đất không di dời được trên khu đất 3.8ha	*1.600.000.002*	*2.500.000.002*
- Chi phí không được trừ khác	*89.355.457*	*221.856.500*
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.600.000.000)	(5.098.004.673)
- Cổ tức được chia	*(3.600.000.000)*	*(5.098.004.673)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	74.923.336.138	93.311.291.624
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**14.984.667.228**	**18.662.258.325**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Mua hàng từ bên liên quan		**32.814.652.869**	**38.512.697.173**
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Cùng Công ty mẹ	-	1.760.511.064
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	16.048.605.000	15.808.605.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con	16.220.426.943	19.674.660.291
- Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ	-	876.907.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Đơn vị liên kết của Công ty mẹ	544.695.000	392.013.818
- Chi nhánh Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần tại Hải Phòng	Cùng công ty mẹ	925.926	-
Doanh thu với bên liên quan		**15.983.332.669**	**15.102.306.104**
- Công ty Vận tải Biển VIMC	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ	-	7.964.478.182
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa Quy Nhơn)	Cùng Công ty mẹ	13.200.000	9.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con	10.735.308.333	7.097.763.122
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	30.942.000	31.064.800
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	Cùng Công ty mẹ	5.203.882.336	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		**3.600.000.000**	**5.098.004.673**
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	3.600.000.000	3.600.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con	-	1.498.004.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của thành viên Ban điều hành

	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	132.000.000	96.000.000
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	605.922.647	374.183.258
Ông Phan Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/04/2024)	-	30.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT chuyên trách (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	231.552.000	243.446.484
Ông Nguyễn Ngọc Tới	Thành viên HĐQT chuyên trách (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	115.776.000	-
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	30.000.000	-
Ông Đặng Huy Cường	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025))	60.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	30.000.000	-
Ông Đỗ Tuấn Nam	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	60.000.000	60.000.000
Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	78.000.000	48.000.000
Bà Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát	72.000.000	48.000.000
Bà Đoàn Thu Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	-
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc	437.890.587	270.410.247
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc	437.890.587	270.410.247
Ông Đặng Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	437.890.587	270.410.247
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng	437.890.587	258.244.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC

Vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ("Cảng Quy Nhơn") và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long ("Cửu Long) đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại Tòa án nhân dân ("TAND") các cấp.

Từ ngày 21/04/2023 đến ngày 24/04/2023, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) đã cưỡng chế khấu trừ trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn số tiền 53.480.418.064 đồng để thi hành án theo quyết định 105/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2022. Ngày 29/05/2023, Cảng Quy Nhơn đã nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo Quyết định số 201/QĐ-CTHADS ngày 17/4/2023 số tiền 190.763.470 đồng.

Ngày 14/06/2023, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao đã ra quyết định số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM về Kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án KDTM phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà nẵng theo hướng huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà nẵng; Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/07/2022 của Toà án nhân dân Tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo đúng qui định pháp luật.

Ngày 10/01/2024, tại phiên tòa Giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao đã ra Quyết định số 05/2024/KDTM-GĐT chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 14/06/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Hủy bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) về vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ" giữa Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long và Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại Vận tải Phúc Trường Linh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2024, Toàn án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) đã ra Thông báo số 05/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án Nguyên đơn Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long và bị đơn Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Ngày 30/01/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) đã ra Quyết định số 08/QĐ-CTHADS về việc đình chỉ thi hành án đối với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Ngày 18/03/2024, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) đã ra thông báo số 05/TB-TLVA về việc thụ lý yêu cầu phân tố vụ án của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

Gia Lai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Phượng Linh	Nguyễn Kim Toàn	Lê Hồng Quân